

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: **KẾ TOÁN**

Trình độ đào tạo:

Đại học

Ngành đào tạo: **Kế toán**

Mã số: 7340301

Loại hình đào tạo:

Chính quy

(Ban hành theo quyết định số 685/QĐ-ĐHKTCTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán nhằm đào tạo cử nhân Kế toán có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có tư duy thực hành cơ bản, có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Kế toán.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và quản lý, kinh tế để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán tại doanh nghiệp, đơn vị.

PO2: Áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về kế toán để thực hiện các công việc chuyên môn tại doanh nghiệp, đơn vị.

PO3: Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, sử dụng tư duy phản biện, ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp để phát triển sự nghiệp, sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong công việc.

PO4: Thể hiện được khả năng vận dụng công nghệ thông tin, kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kế toán để hoàn thành công việc chuyên môn.

PO5: Thể hiện năng lực làm việc độc lập, quản lý công việc hiệu quả để hoàn thành công việc chuyên môn; khả năng tự học, học tập suốt đời và trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán có khả năng:

Chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra của CTĐT
1	Kiến thức chung
PLO1	Áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị
2	Kiến thức chuyên môn
PLO2	Áp dụng kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế vào lĩnh vực nghề nghiệp trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị
PLO3	Áp dụng hiệu quả các kiến thức chung của ngành kế toán trong thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị
PLO4	Phân tích dữ liệu kế toán, nghiên cứu cải tiến các hoạt động kế toán một cách có hiệu quả
PLO5a	<i>Modul 1: Kế toán doanh nghiệp</i>
	Nhận dạng đặc thù của các loại hình doanh nghiệp để thực hiện và nghiên cứu cải tiến công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp dịch vụ, doanh nghiệp xây dựng, doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, tập đoàn, tổng công ty.
PLO5b	<i>Modul 2: Kế toán nhà hàng khách sạn</i>
	Nhận dạng đặc thù của các loại dịch vụ để thực hiện và nghiên cứu cải tiến công tác kế toán của doanh nghiệp kinh doanh ẩm thực, dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu trú và các dịch vụ khác trong nhà hàng, khách sạn.
PLO5c	<i>Modul 3: Kế toán công</i>
	Nhận dạng đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công để thực hiện và nghiên cứu cải tiến công tác kế toán.
PLO5d	<i>Modul 4: Kế toán kiểm toán</i>
	Nhận dạng các loại hình kiểm toán để thực hiện và cải tiến công tác kế toán, kiểm toán trong các doanh nghiệp, đơn vị.
3	Kỹ năng chung
PLO6	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp và làm việc nhóm trong công việc chuyên môn.

PLO7	Sử dụng tiếng Anh thành thạo ở mức B1 để giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc của đơn vị
PLO8	Sử dụng được tư duy phản biện, ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp để phát triển sự nghiệp
4	Kỹ năng chuyên môn
PLO9	Ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong công việc chuyên môn kế toán
PLO10	Vận dụng chính xác các kiến thức chung về kế toán, phân tích báo cáo tài chính, thuế trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị
PLO11a	Modul 1: Kế toán doanh nghiệp
	Thực hiện đầy đủ quy trình kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng, xuất nhập khẩu, tập đoàn, tổng công ty.
PLO11b	Modul 2: Kế toán nhà hàng khách sạn
	Thực hiện đầy đủ quy trình kế toán tại các doanh nghiệp kinh doanh ẩm thực, dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu trú và các dịch vụ khác thường có trong nhà hàng, khách sạn.
PLO11c	Modul 3: Kế toán công
	Thực hiện đầy đủ quy trình kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập.
PLO11d	Modul 4: Kế toán kiểm toán
	Thực hiện đầy đủ quy trình kiểm toán trong các doanh nghiệp, đơn vị.
5	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO12	Chứng minh được khả năng làm việc độc lập và quản lý công việc hiệu quả
PLO13	Chứng minh được khả năng tự học tập suốt đời, liên tục cập nhật và vận dụng kiến thức mới để phát triển sự nghiệp.
PLO14	Thích ứng với những yêu cầu về trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán.

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hướng tới đào tạo nguồn nhân lực kế toán theo định hướng ứng dụng. Vì vậy, chương trình cử nhân kế toán được xây dựng nhằm đến kết quả của chương trình là người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức kinh tế - xã hội khác. Với những kiến thức về chuyên ngành được đào tạo, người học có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

Nhóm 1 - Nhân viên kế toán: Có đủ năng lực làm việc các doanh nghiệp, các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, các công ty liên doanh, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước thuộc mọi thành phần kinh tế. Có thể đảm nhiệm được công việc của các phân hành kế toán trong đơn vị, triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên viên kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các cơ quan và tổ chức kinh tế.

Nhóm 2 - Nhân viên phân tích và tư vấn: có đủ năng lực đảm nhiệm các công việc phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính tại các công ty tài chính và phi tài chính; tương lai có thể phát triển nghề nghiệp thành các chuyên gia phân tích, tư vấn trong các lĩnh vực này.

Nhóm 3 - Trợ lý kiểm toán, kiểm soát viên trong các bộ phận kiểm toán nội bộ, các bộ phận chuyên môn của Kiểm toán Nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập; tiến tới trong tương lai trở thành kiểm toán viên chuyên nghiệp khi được trang bị chứng chỉ hành nghề chứng chỉ quốc gia/quốc tế để hành nghề cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán tư vấn tài chính cho các các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Nhóm 4 - Nghiên cứu viên và giảng viên: Có thể nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu về lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán; có thể tiếp tục học tập phân đấu để trở thành giảng viên chính, giảng viên cao cấp và chuyên gia nghiên cứu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Chương trình đào tạo ngành kế toán của Nhà trường là một nền tảng tốt để người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau và có thể tự chuyển đổi, phát triển nghề nghiệp từ lĩnh vực kế toán, kiểm toán sang các lĩnh vực nghề nghiệp khác như: quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, thuế; có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng về chuyên ngành kế toán.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, với những kiến thức cơ bản và chuyên sâu được tích lũy, người học có khả năng:

- Tiếp tục tự đọc, tự tra cứu và tiếp cận đến hệ thống tài liệu văn bản, giáo trình, sách chuyên khảo, bài báo khoa học để nâng cao kiến thức chuyên sâu phục vụ cho vị trí công việc cụ thể tại đơn vị được tuyển dụng.

- Tiếp tục trau dồi thêm kỹ năng ở môi trường làm việc thông qua học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với các cán bộ đồng nghiệp, cán bộ quản lý và chuyên gia trong các lĩnh vực mà người học theo đuổi.

- Tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành kế toán hoặc tài chính -ngân hàng và các chuyên ngành liên quan.



3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

[illegible]

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
 - Phần lý thuyết 68 tín chỉ
 - Phần thực hành, thực tập, đồ án 21 tín chỉ
 - Khoá luận tốt nghiệp 09 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTCTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)			38		
	1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1.Triết học Mac-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2.Kinh tế chính trị Mac-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3.CNXH Khoa học	LLCT& PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4.Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT& PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5.Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		6		
002378	1. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	3	(36, 18, 90)	x
001102	2. Xác suất thống kê	KHUD	3	(36, 18,90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		3		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002164	2. Kỹ năng nghề nghiệp – Kế toán	KTKT	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất		4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			98		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		20		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		11		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000567	3. Nguyên lý thống kê	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000568	4. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001212	5. Nguyên lý kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 3 trong các học phần)		9		
001153	1. Quản trị doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001109	2. Tài chính – tiền tệ	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	x
000666	3. Tài chính doanh nghiệp	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	x
001104	4. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001743	5. Thống kê kinh doanh	DLKS	3	(39, 12, 90)	
001601	6. Quản trị rủi ro	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		53		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		41		
001431	1. Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000447	2. Kế toán tài chính 1	KTKT	3	(39,12,90)	x
000465	3. Thực hành Kế toán tài chính 1	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001162	4. Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000448	5. Kế toán tài chính 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000479	6. Tin học ứng dụng kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000445	7. Kế toán quản trị 1	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000455	8. Kiểm toán căn bản	KTKT	3	(39,12,90)	x
000466	9. Thực hành Kế toán tài chính 2	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001251	10. Kế toán quản trị 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001301	11. Thuế và kế toán thuế	KTKT	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001745	12. Thực hành Thuế và Kế toán thuế	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
000458	13. Phân tích báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001744	14. Thực hành Phân tích BCTC	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong các học phần)		12		
001734	1. Hành nghề kế toán kiểm toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001250	2.. Hệ thống thông tin kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001340	3. Kế toán máy	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001100	4. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
002053	5. Hợp nhất báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	
002464	6. Kiểm soát quản lý	KTKT	3	(39, 12, 90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modul)		25		
	2.3.1. Modul 1: Kế toán doanh nghiệp		25		
000449	1. Kế toán tài chính 3	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001739	2. Kế toán Doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ và Kinh doanh Xuất nhập khẩu	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001740	3. Kế toán Doanh nghiệp Xây lắp và đơn vị chủ đầu tư	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001959	4. Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000898	Thực tập cuối khóa ngành kế toán	KTKT	5	(0, 300, 0)	x
001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán	KTKT	9	(0, 540, 0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001737	1. Kế toán doanh nghiệp sản xuất	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001736	2. Thực hành kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001742	3. Kế toán tập đoàn – Tổng công ty	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	2.3.2. Modul 2: Kế toán nhà hàng khách sạn		25		
001733	1. Kế toán nhà hàng	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001732	2. Kế toán khách sạn	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001730	3. Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 1	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001960	4. Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000898	Thực tập cuối khóa ngành kế toán	KTKT	5	(0, 300, 0)	x
001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán	KTKT	9	(0, 540, 0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001731	1. Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 2	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001737	2. Kế toán doanh nghiệp sản xuất	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001742	3. Kế toán tập đoàn – Tổng công ty	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	2.3.3. Modul 3: Kế toán công		25		
000441	1. Kế toán hành chính sự nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001727	2. Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001729	3. Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001962	4. Tiểu luận 2: Chuyên ngành Kế toán công	KTKT	2	(0, 120, 0)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
000898	Thực tập cuối khóa ngành kế toán	KTKT	5	(0, 300, 0)	x
001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán	KTKT	9	(0, 540, 0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001726	1. Thực hành Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001725	2. Kế toán ngân sách và tài chính xã	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
002649	3. Chuẩn mực kế toán công	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	<i>2.3.4. Modul 4: Kế toán kiểm toán (áp dụng đến khóa 16)</i>		25		
000454	1. Kiểm toán báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001724	2. Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001723	3. Thực hành Kiểm toán BCTC	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001961	4. Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000898	Thực Tập Cuối Khóa	KTKT	5	(0, 300, 0)	x
001874	Khóa luận tốt nghiệp	KTKT	9	(0, 540, 0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001722	1. Kiểm toán hoạt động	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001721	2. Kiểm toán nội bộ	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001829	3. Kiểm soát nội bộ	KTKT	3	(39, 12, 90)	x

Chú ý: Đánh dấu “x” vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTCTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
 - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.

- Học tập: 15 tuần
- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long